TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Tiểu T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp TH, xã Tạ AKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Ngô Đình D, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Tiểu T và anh Ngô Đình D thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Anh chị chung sống với nhau vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi. Anh chị ly thân đến nay khoảng 4 năm. Anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 09/4/2014. Từ khi anh chị ly thân đến nay cháu M sống chung với chị T. Anh chị thống nhất giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác định không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Tiểu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Tiểu T và anh Ngô Đình D chung sống với nhau vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh D.

[3] Về con chung: Chị T và anh D thống nhất giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu M sống chung với chị T, vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và anh D thống nhất giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 và Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Tiểu T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Tiểu T và anh Ngô Đình D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh M, sinh ngày 09/4/2014 cho chị Nguyễn Tiểu T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Ngô Đình D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nôm con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Tiểu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010064 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Ngô Đình D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Tiểu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng